|  |  |
| --- | --- |
| ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK NÔNGSố: /KH-UBND | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** Độc lập - Tự do - Hạnh phúc*Đắk Nông, ngày tháng 12 năm 2023* |

|  |
| --- |
| DỰ THẢO |

# KẾ HOẠCH

# Triển khai, thực hiện Quyết định số 993/QĐ-TTg ngày 24/8/2023

# của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt “Kế hoạch quốc gia triển khai

# Tuyên bố Glasgow về rừng và sử dụng đất đến năm 2030”

# trên địa bàn tỉnh Đắk Nông

*Căn cứ Quyết định số 896/QĐ-TTg ngày 27/7/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược quốc gia về biến đổi khí hậu giai đoạn đến năm 2050;*

*Căn cứ Quyết định số 993/QĐ-TTg ngày 24/8/2023 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt “Kế hoạch quốc gia triển khai Tuyên bố Glasgow về rừng và sử dụng đất đến năm 2030”;*

*Căn cứ Quyết định số 1546/QĐ-UBND ngày 15/11/2023 của UBND tỉnh về việc ban hành Kế hoạch triển khai, thực hiện Quyết định số 896/QĐ-TTg ngày 27/7/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược quốc gia về biến đổi khí hậu giai đoạn đến năm 2050;*

# Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Nông ban hành Kế hoạchtriển khai, thực hiện Quyết định số 993/QĐ-TTg ngày 24/8/2023 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt “Kế hoạch quốc gia triển khai Tuyên bố Glasgow về rừng và sử dụng đất đến năm 2030”, cụ thế như sau:

### I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

**1. Mục đích**

- Quán triệt các nội dung quan điểm, mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp và tầm quan trọng của Kế hoạch quốc gia triển khai Tuyên bố Glasgow về rừng và sử dụng đất đến năm 2030 gắn với nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội đối với tỉnh Đắk Nông.

**-** Trên cơ sở các chỉ tiêu, nhiệm vụ của Nghị quyết số 06-NQ/TU, ngày 19/8/2021 của Tỉnh ủy Đắk Nông về quản lý, bảo vệ, khôi phục và phát triển rừng bền vững; nâng cao tỷ lệ che phủ rừng giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030; các chương trình, đề án, kế hoạch về lĩnh vực lâm nghiệp được phê duyệt**[[1]](#footnote-1)** và Kế hoạch triển khai, thực hiện Quyết định số 896/QĐ-TTg ngày 26/7/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt “Chiến lược quốc gia về biến đổi khí hậu giai đoạn đến năm 2050, giai đoạn thực hiện kế hoạch từ năm 2023 -2030, tầm nhìn đến năm 2050” trên địa bàn tỉnh Đắk Nông**[[2]](#footnote-2)**, tiếp tục rà soát, cụ thể hóa, bổ sung nhiệm vụ và giải pháp thực hiện hiệu quả “Kế hoạch quốc gia triển khai Tuyên bố Glasgow về rừng và sử dụng đất đến năm 2030” tại Quyết định số 993/QĐ-TTg ngày 24/8/2023 của Thủ tướng Chính phủ, đảm bảo phù hợp với tình hình thực tế của tỉnh Đắk Nông.

### 2. Yêu cầu

- Việc xây dựng Kế hoạch phải đảm bảo nội dung, xác định rõ nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu để triển khai thực hiện; đồng bộ, lồng ghép với các chỉ tiêu, nhiệm vụ và giải pháp theo các chương trình, đề án, kế hoạch về lĩnh vực lâm nghiệp giai đoạn 2021-2025 và định hướng đến năm 2030; Kế hoạch thực hiện Chiến lược quốc gia về biến đổi khí hậu được phê duyệt.

- Căn cứ nhiệm vụ của Kế hoạch này, các Sở, Ban, ngành, địa phương các cấp và các đơn vị liên quan để tổ chức thực hiện đồng bộ với các chương trình, kế hoạch của tỉnh đã ban hành; đánh giá kết quả hàng năm, sơ kết và tổng kết Kế hoạch theo quy định.

**II. MỤC TIÊU**

**1. Mục tiêu chung**

Đóng góp trực tiếp vào mục tiêu phát triển bền vững nông nghiệp, nông thôn, các mục tiêu về giảm phát thải khí nhà kính và thích ứng với biến đổi khí hậu; Quản lý, bảo vệ, phát triển và sử dụng bền vững, hiệu quả đối với toàn bộ diện tích rừng và đất được quy hoạch cho lâm nghiệp, bảo tồn đa dạng, bảo vệ môi trường sinh thái góp phần giảm phát thải khí nhà kính, giảm thiểu tác hại do thiên tai, thích ứng với biến đổi khí hậu; thúc đẩy phát triển sinh kế bền vững cho người dân và cộng đồng địa phương, đảm bảo an ninh lương thực và bảo vệ môi trường qua đó thực hiện được các cam kết của Tuyên bố Glasgow.

**2. Mục tiêu cụ thể**

- Đến năm 2025, tập trung mọi nguồn lực để quản lý, bảo vệ tốt diện tích rừng tự nhiên hiện còn, giảm thiểu đến mức thấp nhất các hành vi xâm hại tài nguyên rừng, chuyển đổi mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác, từng bước hạn chế tình trạng suy thoái rừng và suy thoái đất; đến năm 2030, cơ bản đẩy lùi tình trạng mất rừng, suy thoái tài nguyên rừng, suy thoái đất bảo đảm hài hòa phát triển sản xuất nông, lâm nghiệp bền vững gắn với phát triển nông nghiệp, nông thôn, đóng góp hiệu quả vào việc thực hiện cam kết giảm phát thải khí nhà kính (NDC) và nâng tỷ lệ che phủ rừng của tỉnh đạt trên 42%**[[3]](#footnote-3)**.

- Tổ chức thực hiện các chỉ tiêu và giải pháp phát triển rừng và phục hồi rừng (khoanh nuôi xúc tiến tái sinh tự nhiên; trồng rừng tập trung, nông lâm kết hợp, trồng cây phân tán...) theo các chương trình, đề án, kế hoạch về lĩnh vực lâm nghiệp giai đoạn 2021-2025 và định hướng đến năm 2023 của tỉnh Đắk Nông được phê duyệt**1**.

- Nâng cao chất lượng rừng tự nhiên (diện tích rừng tự nhiên nghèo, nghèo kiệt được phục hồi, nâng cấp chất lượng) đến năm 2025 là 2.040 ha và đến năm 2030 là 4.080 ha, góp phần giảm tỷ lệ diện tích rừng tự nhiên nghèo, tăng tỷ lệ diện tích rừng tự nhiên trung bình và giàu trên địa bàn tỉnh; nâng cao hiệu quả bảo tồn đa dạng sinh học và năng lực phòng hộ; nâng cao năng suất, hiệu quả kinh tế và tính bền vững của rừng trồng; khuyến khích các tổ chức kinh tế xây dựng phương án quản lý rừng và cấp chứng chỉ quản lý rừng trồng bền vững đạt khoảng 10.000 ha vào năm 2030.

- Rà soát, đánh giá các cơ chế, chính sách về lĩnh vực nông, lâm nghiệp và môi trường nhắm thúc đẩy phát triển sản xuất và tiêu dùng các sản phẩm nông, lâm nghiệp bền vững không gây mất rừng, suy thoái đất và sa mạc hóa; nâng cao tính chống chịu, giảm thiểu tính dễ bị tổn thương do biến đổi khí hậu; phát triển kinh tế lâm nghiệp theo hướng đa mục đích, phát thải thấp, kinh tế tuần hoàn và kinh tế xanh.

### II. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP

**1. Bảo tồn và đẩy nhanh quá trình phục hồi rừng, các hệ sinh thái trên cạn**

- Tích hợp các nhiệm vụ quản lý, bảo vệ rừng, phát triển rừng, bảo tồn các hệ sinh thái rừng... của nội dung quy hoạch lâm nghiệp vào trong Quy hoạch tỉnh Đắk Nông thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 và các quy hoạch quốc gia như: Quy hoạch lâm nghiệp, quy hoạch bảo tồn đa dạng sinh học, quy hoạch bảo vệ môi trường.

- Triển khai thực hiện hiệu quả Chiến lược phát triển lâm nghiệp và các chương trình, đề án, dự án về lĩnh vực lâm nghiệp giai đoạn 2021-2025 và định hướng đến năm 2030 được các cơ quan Trung ương và UBND tỉnh phê duyệt**1** nhằm bảo tồn đa dạng sinh học, phục hồi rừng, phục hồi các hệ sinh thái bị suy thoái, ngăn ngừa chuyển đổi, phá hủy hệ sinh thái, các cảnh quan tự nhiên quan trọng, góp phần thực hiện Tuyên bố Thập kỷ 2021 - 2030 là Thập kỷ Liên hợp quốc về phục hồi hệ sinh thái.

- Quản lý xung đột, tranh chấp về rừng và sử dụng đất; rà soát, thống kê hiện trạng rừng và đất rừng có tranh chấp, chồng lấn giữa lâm nghiệp và lĩnh vực khác; xây dựng và triển khai kế hoạch giải quyết các tranh chấp về đất và rừng; thực hiện đóng mốc ranh giới giữa các chủ rừng, thống nhất ranh giới rừng trên bản đồ và thực địa, ưu tiên ở khu vực có nguy cơ xâm hại cao, dễ xảy ra tranh chấp; xử lý những tồn tại, vướng mắc về đất đai có nguồn gốc từ nông, lâm trường quốc doanh tại địa phương; giải quyết đất ở, đất sản xuất cho đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi theo quy định của pháp luật, hoàn thành các mục tiêu về giải quyết đất ở, đất sản xuất theo Nghị quyết số 88/2019/QH14 của Quốc hội.

- Tăng cường cơ chế phối hợp liên ngành (Công an, Quân đội, Hải quan, Quản lý thị trường...) để thực thi pháp luật lâm nghiệp cho kiểm lâm và lực lượng chuyên trách bảo vệ rừng; tăng cường đầu tư trang thiết bị và công cụ hỗ trợ, ứng dụng công nghệ trong bảo vệ rừng, theo dõi, cập nhật diễn biến tài nguyên rừng và phòng cháy, chữa cháy rừng; triển khai đầy đủ, đảm báo các chế độ, chính sách (trong đó có chính sách đặc thù nếu có) cho lực lượng kiểm, lực lượng bảo vệ rừng chuyên trách.

- Kiểm soát chặt chẽ, có hiệu quả việc chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác; hạn chế tối đa việc chuyển đổi mục đích sử dụng rừng tự nhiên, đặc biệt tại các khu vực rừng phòng hộ, đặc dụng sang mục đích ngoài lâm nghiệp.

- Xây dựng cơ sở dữ liệu về đa dạng sinh học rừng *(cấp hệ sinh thái, loài)*; theo dõi, giám sát đa dạng sinh học trong các hệ sinh thái rừng; đầu tư trang thiết bị cho các hoạt động điều tra, giám sát đa dạng sinh học rừng.

**2. Phối hợp cơ quan Trung ương xây dựng, triển khai thực hiện chính sách thương mại trong nước và quốc tế, thúc đẩy phát triển sản xuất và tiêu dùng hàng hóa bền vững để đạt được lợi ích chung, không làm mất rừng và suy thoái đất**

- Phối hợp cơ quan Trung ương xây dựng và triển khai thực hiện chính sách, chương trình, kế hoạch phát triển sản xuất nông, lâm nghiệp bền vững, phát triển giá trị đa mục đích của hệ sinh thái rừng, sử dụng đất bền vững, đáp ứng yêu cầu của thị trường quốc tế về sản xuất và thương mại các sản phẩm nông, lâm nghiệp không gây mất rừng và suy thoái đất; tổ chức quản lý rừng bền vững và chứng chỉ rừng.

- Thúc đẩy tổ chức sản xuất các sản phẩm nông, lâm nghiệp bền vững theo chuỗi, có giá trị gia tăng cao, thân thiện với môi trường; tạo điều kiện thuận lợi cho phát triển thương mại và mở rộng thị trường các sản phẩm nông, lâm sản.

- Tuyên truyền quy định Chống mất rừng của Liên minh Châu Âu (EUDR) và quy định pháp luật về sản xuất và tiêu dùng các sản phẩm nông, lâm nghiệp có nguồn gốc hợp pháp và không gây mất rừng phù hợp với các cam kết quốc tế và điều kiện của Việt Nam.

**3.** **Giảm thiểu tình trạng dễ bị tổn thương của rừng và đất; tăng cường khả năng phục hồi và cải thiện sinh kế nông thôn thông qua trao quyền cho cộng đồng, củng cố hệ thống quản lý đất, phát triển nông nghiệp bền vững, nâng cao giá trị đa mục đích của rừng****; đồng thời đảm bảo các quyền của người dân và các cộng đồng địa phương theo quy định của pháp luật Việt Nam và thông lệ quốc tế**

- Đánh giá tình trạng dễ bị tổn thương của các hệ sinh thái rừng, đất và sinh kế của cộng đồng dân cư sống phụ thuộc vào rừng; triển khai đồng bộ các giải pháp nhằm nâng cao khả năng chống chịu và giảm nhẹ tổn thất, thiệt hại do biến đổi khí hậu.

- Triển khai các chính sách phát triển lâm sản ngoài gỗ, dược liệu dưới tán rừng và cải thiện sinh kế, nâng cao thu nhập cho người dân miền núi, vùng đồng bào dân tộc thiểu số.

- Triển khai thực hiện việc giao diện tích rừng và đất rừng (do Ủy ban nhân dân cấp xã đang quản lý) cho hộ gia đình, cá nhân cộng đồng dân cư quản lý bảo vệ và phát triển rừng theo quy định pháp luật về đất đai, lâm nghiệp; thực hiện chính sách khoán rừng cho cộng đồng dân cư và người dân sống phụ thuộc vào rừng gắn việc khoán quản lý, bảo vệ rừng và phòng cháy, chữa cháy rừng theo hướng đảm bảo hài hoà, gắn kết giữa nghĩa vụ và quyền lợi của tổ chức, cá nhân được giao khoán với đơn vị chủ rừng nhằm nâng cao hiệu quả quản lý, bảo vệ rừng và phòng cháy, chữa cháy rừng.

- Hỗ trợ phát triển sinh kế và thúc đẩy sản xuất nông nghiệp bền vững, không gây mất rừng cho các cộng đồng dân cư ở vùng đệm rừng đặc dụng và khu vực tiếp giáp rừng phòng hộ, rừng sản xuất là rừng tự nhiên.

- Phát triển và sử dụng có hiệu quả các giá trị của rừng, phối hợp xây dựng và triển khai có hiệu quả Đề án phát triển giá trị đa dụng của hệ sinh thái rừng nhằm phát triển kinh tế dưới tán rừng thông qua mô hình nông, lâm kết hợp; phát triển lâm sản ngoài gỗ dưới tán rừng tự nhiên; mở rộng dịch vụ môi trường rừng.

- Triển khai chính sách chi trả dịch vụ môi trường rừng, hấp thụ và lưu giữ các-bon rừng và cơ chế trao đổi, bù trừ tín chỉ các-bon rừng để đáp ứng các yêu cầu của thị trường các-bon trong nước và quốc tế, đóng góp cho mục tiêu giảm phát thải khí nhà kính của ngành và quốc gia nhằm tạo nguồn tài chính bền vững cho hoạt động quản lý, bảo vệ và phát triển rừng.

**4. Thực hiện hiệu quả chính sách, chương trình phát triển nông nghiệp theo hướng bền vững, bảo đảm an ninh lương thực và bảo vệ môi trường**

- Triển khai chính sách khuyến khích phát triển sản xuất nông, lâm nghiệp mới theo hướng tiết kiệm tài nguyên và giảm phát thải khí nhà kính, tăng cường tính chống chịu và thích ứng với biến đổi khí hậu, nông nghiệp thông minh, nông nghiệp hữu cơ, nông nghiệp tuần hoàn, đáp ứng yêu cầu của thị trường.

- Đẩy mạnh thí điểm và nhân rộng các mô hình sản xuất nông nghiệp mới, các vùng sản xuất chuyên canh, đáp ứng yêu cầu của thị trường, như: nông nghiệp sinh thái, tiết kiệm tài nguyên và phát thải thấp; nông nghiệp hữu cơ, nông nghiệp tuần hoàn, nông nghiệp thông minh, nông nghiệp công nghệ cao, nông nghiệp kết hợp công nghiệp, dịch vụ.

- Tổ chức sản xuất, phát triển các trang trại, hợp tác xã để phát triển sinh kế gắn với bảo vệ và phát triển rừng; khuyến khích và thu hút các doanh nghiệp liên kết với người dân để sản xuất gắn với chế biến, tiêu thụ sản phẩm và đầu tư phát triển hạ tầng, đặc biệt là đối với những vùng/khu vực bố trí dân di cư tự do.

- Xây dựng chuỗi giá trị rừng từ trồng, khai thác, chế biến và xuất khẩu, trong đó tập trung phát triển vùng nguyên liệu tập trung gắn với doanh nghiệp thu mua chế biến để nâng cao giá trị, chất lượng và nguồn gốc sản phẩm nhằm tiến đến quy trình khép kín phục vụ cho phát triển ngành gỗ bền vững.

- Xây dựng, phát triển thương hiệu, chỉ dẫn địa lý và truy xuất nguồn gốc sản phẩm nông, lâm sản không gây mất rừng và suy thoái rừng; các tiêu chuẩn và hệ thống chứng nhận sản phẩm nông, lâm nghiệp đáp ứng các yêu cầu của thị trường trong nước và quốc tế

**5. Tăng cường khả năng tiếp cận, huy động và sử dụng có hiệu quả nguồn lực tài chính trong nước và quốc tế, hợp tác công tư để phát triển sản xuất nông, lâm nghiệp và quản lý rừng bền vững, bảo tồn và phục hồi các hệ sinh thái, hỗ trợ cộng đồng dân cư địa phương và đồng bào dân tộc thiểu số; lồng ghép các nguồn tài chính nhằm hạn chế tình trạng mất rừng và suy thoái rừng, thực hiện cơ chế, chính sách hiệu lực, hiệu quả để đẩy nhanh quá trình chuyển đổi sang nền kinh tế có khả năng phục hồi và đạt được các mục tiêu quốc tế về quản lý rừng, sử dụng đất bền vững, bảo tồn đa dạng sinh học và ứng phó với biến đổi khí hậu**

- Tăng cường khả năng tiếp cận, thúc đẩy mạnh các hoạt động hợp tác quốc tế và hoàn thiện cơ chế, chính sách để huy động nguồn lực tài chính từ khu vực tư nhân, hợp tác công tư cho phát triển sản xuất nông, lâm nghiệp, quản lý rừng bền vững, phục hồi rừng tự nhiên gắn với bảo tồn đa dạng sinh học, hỗ trợ cộng đồng dân cư địa phương và đồng bào dân tộc thiểu số.

- Thực hiện hiệu quả chính sách chi trả dịch vụ môi trường rừng, trồng rừng thay thế, du lịch sinh thái, dịch vụ hấp thụ Carbon…; Thúc đẩy thực hiện các sáng kiến, cơ chế tài chính mới về tài chính khí hậu, tín dụng xanh, mở rộng dịch vụ môi trường rừng, thị trường các-bon rừng, nhằm tạo nguồn tài chính bền vững cho quản lý rừng bền vững, bảo tồn và phục hồi rừng, hỗ trợ cộng đồng dân cư địa phương và đồng bào dân tộc thiểu số.

**6. Lồng ghép các nguồn tài chính nhằm hạn chế tình trạng mất rừng và suy thoái rừng, có các cơ chế, chính sách hiệu lực, hiệu quả để đẩy nhanh quá trình chuyển đổi sang nền kinh tế có khả năng phục hồi và đạt được các mục tiêu quốc tế về quản lý rừng, sử dụng đất bền vững, bảo tồn đa dạng sinh học và ứng phó với biến đổi khí hậu**

- Rà soát, xây dựng và triển khai thực hiện cơ chế, chính sách phân bổ, quản lý và sử dụng hiệu quả nguồn lực đầu tư thông qua kế hoạch đầu tư công hàng năm, trung hạn, dài hạn để phân bổ, bố trí các chương trình, dự án, đề án phát triển sản xuất nông, lâm nghiệp và sử dụng đất bền vững.

- Rà soát, bố trí kinh phí đầu tư, hỗ trợ đầu tư, kinh phí sự nghiệp, hỗ trợ các tổ chức quốc tế và tổ chức trong nước để bố trí cho chương trình, dự án, đề án phát triển nông, lâm nghiệp để quản lý rừng và sử dụng đất bền vững, bảo tồn đa dạng sinh học và ứng phó với biến đổi khí hậu: Trồng rừng phòng hộ, đặc dụng, trồng rừng nguyên liệu, trồng rừng gỗ lớn, phát triển rừng nông lâm kết hợp...

- Thực hiện hiệu quả chính sách chi trả dịch vụ môi trường rừng, trồng rừng thay thế; tiếp cận và tham gia thị trường Carbon nhằm huy động tối đa nguồn thu từ các dịch vụ có liên quan đến rừng nhẳm tăng kinh phí cho công tác bảo vệ và phát triển rừng.

- Huy động và gắn kết các nguồn lực, lồng ghép các chương trình, dự án để nâng cao hiệu quả trong công tác bảo vệ phát triển rừng, trồng rừng nguyên liệu, trồng rừng gỗ lớn; phát triển lâm nghiệp gắn với giảm nghèo bền vững ở các vùng đặc biệt khó khăn, dân tộc thiểu số có nhiều rừng. Sử dụng có hiệu quả nguồn vốn từ Chương trình mục tiêu phát triển lâm nghiệp bền vững, Quỹ bảo vệ và phát triển rừng, chính sách nông nghiệp của tỉnh... để hỗ trợ, thúc đẩy trồng rừng sản xuất..

*(Danh mục chi tiết các nhiệm vụ tại Phụ lục kèm theo Quyết định này).*

**7. Nguồn vốn thực hiện**

Nguồn kinh phí thực hiện Kế hoạch, gồm: ngân sách nhà nước *(trung ương và địa phương)*; các nguồn tài trợ, viện trợ, nguồn huy động hợp pháp khác từ các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước theo quy định của pháp luật.

- Đối với nguồn vốn từ ngân sách nhà nước, thực hiện theo phân cấp nhà nước hiện hành. Các Sở, ngành, UBND các huyện, thành phố Gia Nghĩa, đơn vị liên quan căn cứ mục tiêu, nhiệm vụ nêu trong Kế hoạch này để xây dựng các dự án đầu tư hoặc dự toán kinh phí cho các nhiệm vụ cụ thể và thực hiện theo quy định hiện hành.

- Đẩy mạnh việc huy động các nguồn lực tài chính từ các tổ chức, cá nhân, các doanh nghiệp trong và ngoài tỉnh tham gia thực hiện kế hoạch theo quy định pháp luật; lồng ghép các nhiệm vụ giao cho các Sở, ngành, UBND các huyện, thành phố Gia Nghĩa trong các chương trình mục tiêu quốc gia khác có liên quan.

### III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Các Sở, Ban, ngành, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố Gia Nghĩa và các đơn vị liên quan căn cứ nhiệm vụ được giao tại Phụ lục kèm theo Kế hoạch này tổ chức thực hiện phù hợp với điều kiện, tình hình thực tế của cơ quan, đơn vị, địa phương.

Trên đây là Kế hoạch triển khai thực hiện “Kế hoạch quốc gia triển khai Tuyên bố Glasgow về rừng và sử dụng đất đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh Đắk Nông”. Yêu cầu các Sở, Ban, ngành, UBND các huyện, thành phố Gia Nghĩa và đơn vị liên quan xây dựng kế hoạch tổ chức thực hiện gắn với việc triển khai thực hiện đồng bộ các nhiệm vụ nêu trên; định kỳ hàng năm (trước ngày 15/12), sơ kết (3 năm hoặc 5 năm), tổng kết kết quả thực hiện Kế hoạch. Báo cáo kết quả thực hiện về Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn để tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh theo quy định./.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:***  - CT, các PCT UBND tỉnh;  - CVP, các PCVP UBND tỉnh;  - Các Sở, ban, ngành (Kèm danh sách);  - UBND huyện, thành phố;  - Lưu: VT, NNTNMT. | **KT. CHỦ TỊCH**  **PHÓ CHỦ TỊCH**  **Lê Trọng Yên** |

1. (**i**) Kế hoạch số 267/KH-UBND ngày 24/5/2022, về thực hiện Nghị quyết số 06-NQ/TU ngày 19/8/2021 của Tỉnh ủy Đắk Nông về quản lý, bảo vệ, khôi phục và phát triển rừng bền vững; nâng cao tỷ lệ che phủ rừng giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030; (**ii**) Kế hoạch triển khai thực hiện Quyết định số 523/QĐ-TTg ngày 01/4/2021 của Thủ tướng Chính phủ, về phê duyệt “Chiến lược Phát triển Lâm nghiệp Việt Nam giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050” trên địa bàn tỉnh Đắk Nông tại Quyết định số 259/QĐ-UBND ngày 03/3/2023; (**iii**) Kế hoạch triển khai thực hiện các Đề án về lĩnh vực lâm nghiệp của tỉnh Đắk Nông, giai đoạn 2021-2025 và định hướng đến năm 2030 tại Quyết định số 332/QĐ-UBND ngày 17/3/2023; (**iv**) Kế hoạch thực hiện Chương trình phát triển lâm nghiệp bền vững giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Đắk Nông tại Quyết định số 1631/QĐ-UBND ngày 07/10/2022... [↑](#footnote-ref-1)
2. Quyết định số 1546/QĐ-UBND ngày 15/11/2023 của UBND tỉnh, ban hành Kế hoạch triển khai, thực hiện Quyết định số 896/QĐ-TTg ngày 26/7/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược quốc gia về biến đổi khí hậu giai đoạn đến năm 2050, giai đoạn thực hiện kế hoạch từ năm 2023 - 2030, tầm nhìn đến 2050. [↑](#footnote-ref-2)
3. Nghị quyết số 06-NQ/TU ngày 19/8/2021 của Tỉnh ủy Đắk Nông về quản lý, bảo vệ, khôi phục và phát triển rừng bền vững; nâng cao tỷ lệ che phủ rừng giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030. [↑](#footnote-ref-3)